

Số: 468/QĐ-UBND

Tân Minh, ngày 06 tháng 8 năm 2025

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025  
cho các cơ quan, đơn vị, trường học xã Tân Minh sau sắp xếp

### ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ TÂN MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Thuế thu nhập cá nhân và Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 1669/NQ-UBTVQH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025 về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của thành phố Hải Phòng năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 47/NQ-HĐND ngày 25 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng về dự toán thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách địa phương năm 2025 sau sắp xếp;

Căn cứ Quyết định số 2999/QĐ-UBND ngày 25 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2025 cho các cấp, các ngành, các đơn vị;

Căn cứ Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Hội đồng nhân dân xã Tân Minh về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách xã và phân bổ ngân sách xã năm 2025 sau sắp xếp;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025 cho các cơ quan, đơn vị, trường học xã Tân Minh sau sắp xếp với các nội dung sau:

- Thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn: 2.960 triệu đồng.
- Tổng thu cân đối ngân sách xã: 170.513 triệu đồng, trong đó:
  - Thu ngân sách xã được hưởng theo phân cấp: 2.442 triệu đồng;
  - Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: 168.071 triệu đồng.

### 3. Tổng chi cân đối ngân sách xã:

- Tổng chi ngân sách xã (trước khi trừ tiết kiệm 10% chi thường xuyên): 171.556 triệu đồng, bao gồm: Chi thường xuyên: 168.212 triệu đồng; Dự phòng ngân sách: 3.344 triệu đồng.

- Tiết kiệm 10% chi thường xuyên: 4.387 triệu đồng.

- Tổng chi ngân sách xã (sau trừ tiết kiệm 10% chi thường xuyên): 170.513 triệu đồng, bao gồm: Chi thường xuyên: 167.169 triệu đồng; Dự phòng ngân sách: 3.344 triệu đồng.

*(Chi tiết theo các phụ biểu đính kèm)*

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

### 1. Đối với dự toán thu ngân sách nhà nước và cân đối thu, chi ngân sách xã:

Căn cứ dự toán thu ngân sách năm 2025 được giao, các cơ quan, đơn vị, trường học tổ chức thực hiện các giải pháp đồng bộ, hiệu quả, phấn đấu hoàn thành cao nhất nhiệm vụ thu ngân sách nhà nước năm 2025.

Trường hợp thu cân đối ngân sách xã giảm so với dự toán: Giao Phòng Kinh tế chủ trì rà soát, sắp xếp, xây dựng phương án chi đảm bảo ưu tiên kinh phí để thực hiện chế độ chính sách cho con người (chi trả lương, phụ cấp, an sinh xã hội,...).

### 2. Đối với dự toán chi ngân sách:

Căn cứ dự toán chi ngân sách năm 2025 được giao các cơ quan, đơn vị, trường học lập dự toán chi tiết gửi Phòng Kinh tế theo quy định và gửi Phòng Giao dịch số 4 - Kho bạc Nhà nước khu vực III để theo dõi, kiểm soát.

Dự toán chi thường xuyên đã bao gồm các khoản chi lương, phụ cấp theo lương, các khoản chi cho con người theo chế độ hiện hành, các khoản chi nghiệp vụ thường xuyên, ... đảm bảo thực hiện nhiệm vụ chính trị được giao của đơn vị.

Các cơ quan, đơn vị, trường học chủ động điều hành dự toán ngân sách trong phạm vi được duyệt, đảm bảo hiệu quả, bố trí các khoản chi theo thứ tự ưu tiên trước hết đảm bảo chi lương, phụ cấp, an sinh xã hội, chế độ chính sách đối với người có công, gia đình chính sách.

Nghiêm túc thực hiện yêu cầu về tiết kiệm, chống lãng phí theo Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; tiết kiệm chi thường xuyên, chi cho bộ máy quản lý nhà nước, chi hoạt động tại các đơn vị sự nghiệp.

Kinh phí thực hiện các chương trình, nhiệm vụ..., căn cứ dự toán năm 2025, các cơ quan, đơn vị lập dự toán chi tiết gửi Phòng Kinh tế kiểm tra theo quy định. Căn cứ khối lượng công việc dự toán và khả năng cân đối ngân sách, Phòng Kinh tế tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân xã phương án phân bổ theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các quy định hiện hành.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã, Trưởng phòng Kinh tế, Trưởng Thuế cơ sở 8 thành phố Hải Phòng, Trưởng phòng giao dịch số 4 - Kho bạc Nhà nước khu vực III, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, trường học có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

*Nơi nhận:*

- VP UBND TP;
- Sở Tài chính;
- TTĐU, TT HĐND xã;
- CT, các PCT UBND xã;
- Như Điều 3;
- Lưu VT, KT

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH



**Đinh Văn Nhanh**

**DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025**

(Kèm theo Quyết định số 468/QĐ-UBND ngày 06 tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã Tân Minh)

Đơn vị: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2025		Ghi chú
		Tổng thu NSNN	Thu NSDP	
A	B	1	2	3
	<b>TỔNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC</b>	<b>171.031</b>	<b>170.513</b>	
<b>I</b>	<b>Thu nội địa</b>	<b>2.960</b>	<b>2.442</b>	
1	Thu từ khu vực DNNN do Trung ương quản lý (Chi tiết theo sắc thuế)	-	-	
2	Thu từ khu vực DNNN do cấp xã quản lý (Chi tiết theo sắc thuế)	-	-	
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (Chi tiết theo sắc thuế)	-	-	
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh (Chi tiết theo sắc thuế)	350	-	
5	Thuế thu nhập cá nhân	168	-	
6	Thuế bảo vệ môi trường	-	-	
7	Lệ phí trước bạ	400	400	
8	Thu phí, lệ phí	153	153	
9	Thuế sử dụng đất nông nghiệp	-	-	
10	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	579	579	
11	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	-	-	
12	Thu tiền sử dụng đất	-	-	
13	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước	-	-	
14	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết (nếu có)	-	-	
15	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	-	-	
16	Thu khác ngân sách	-	-	
17	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	1.310	1.310	
<b>II</b>	<b>Thu viện trợ</b>	-	-	
<b>III</b>	<b>Thu chuyển nguồn CCTL còn dư năm trước chuyển sang</b>	-	-	
<b>IV</b>	<b>Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên</b>	<b>168.071</b>	<b>168.071</b>	
1	Thu bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên	163.697	163.697	
2	Thu bổ sung mục tiêu từ ngân sách cấp trên	4.374	4.374	

**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP XÃ THEO TỪNG LĨNH VỰC NĂM 2025**

(Kèm theo Quyết định số 468/QĐ-UBND ngày 06 tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã Tân Minh)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Ghi chú
A	B	1.1	C
	<b>TỔNG CHI NGÂN SÁCH XÃ</b>	<b>170.513</b>	
<b>A</b>	<b>Chi bổ sung cân đối cho ngân sách xã</b>	-	
<b>B</b>	<b>Chi ngân sách cấp xã theo lĩnh vực</b>	<b>170.513</b>	
	<i>Trong đó:</i>	-	
<b>I</b>	<b>Chi đầu tư phát triển</b>	-	
1	Chi đầu tư cho các dự án	-	
	<i>Trong đó:</i>	-	
1.1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	-	
1.2	Chi khoa học và công nghệ	-	
1.3	Chi y tế, dân số và gia đình	-	
1.4	Chi văn hóa thông tin	-	
1.5	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	-	
1.6	Chi thể dục thể thao	-	
1.7	Chi bảo vệ môi trường	-	
1.8	Chi các hoạt động kinh tế	-	
1.9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	-	
1.10	Chi bảo đảm xã hội	-	
2	Chi đầu tư phát triển khác	-	
<b>II</b>	<b>Chi thường xuyên (sau trừ TK 10% chi TX)</b>	<b>167.169</b>	
	Tổng chi thường xuyên trước trừ tiết kiệm	171.556	
	Tiết kiệm 10% chi thường xuyên tính cân đối	4.387	
	<i>Trong đó:</i>	-	
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	101.572	
2	Chi quốc phòng, an ninh và TTATXH	4.175	
2	Chi khoa học và công nghệ	-	
3	Chi y tế, dân số và gia đình	6.099	
4	Chi văn hóa thông tin	3.603	
5	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	149	
6	Chi thể dục thể thao	99	
7	Chi bảo vệ môi trường	1.860	
8	Chi các hoạt động kinh tế	7.724	
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	28.243	
10	Chi bảo đảm xã hội	17.177	
11	Chi khác	854	
<b>III</b>	<b>Dự phòng ngân sách</b>	<b>3.344</b>	
<b>IV</b>	<b>Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương</b>	-	
<b>C</b>	<b>Chi viện trợ</b>	-	
<b>D</b>	<b>Chi từ nguồn bổ sung mục tiêu</b>	-	

**CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025**

(Kèm theo Quyết định số 468/QĐ-UBND ngày 06 tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã Tân Minh)

Đơn vị: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2025	Ghi chú
A	B	1	2
<b>A</b>	<b>TỔNG NGUỒN THU NGÂN SÁCH XÃ</b>	<b>170.513</b>	
<b>I</b>	<b>Thu ngân sách xã được hưởng theo phân cấp</b>	<b>2.442</b>	
-	Thu ngân sách xã hưởng 100%	2.442	
-	Thu ngân sách xã hưởng từ các khoản thu phân chia	-	
<b>II</b>	<b>Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên</b>	<b>168.071</b>	
-	Thu bổ sung cân đối	163.697	
-	Thu bổ sung có mục tiêu	4.374	
<b>III</b>	<b>Thu kết dư</b>	-	
<b>IV</b>	<b>Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang</b>	-	
<b>B</b>	<b>TỔNG CHI NGÂN SÁCH XÃ (sau khi trừ tiết kiệm 10% chi thường xuyên)</b>	<b>170.513</b>	
	<i>TỔNG CHI NGÂN SÁCH XÃ (trước khi trừ tiết kiệm 10% chi thường xuyên)</i>	<i>174.900</i>	
<b>I</b>	<b>Tổng chi cân đối ngân sách xã (sau khi trừ tiết kiệm 10% chi thường xuyên)</b>	<b>170.513</b>	
	<i>Tổng chi cân đối ngân sách xã (trước khi trừ tiết kiệm 10% chi thường xuyên)</i>	<i>174.900</i>	
<b>1</b>	<b>Chi đầu tư phát triển</b>	-	
<b>2</b>	<b>Chi thường xuyên (sau khi trừ tiết kiệm 10% chi thường xuyên)</b>	<b>167.169</b>	
	<i>Chi thường xuyên (trước khi trừ tiết kiệm 10% chi thường xuyên)</i>	<i>171.556</i>	
<b>3</b>	<b>Dự phòng ngân sách</b>	<b>3.344</b>	
<b>4</b>	<b>Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương</b>	-	
<b>II</b>	<b>Chi viện trợ</b>	-	
<b>III</b>	<b>Chi từ nguồn ngân sách cấp trên bổ sung có mục tiêu</b>	-	
<b>IV</b>	<b>Chi chuyển nguồn sang năm sau</b>	-	

